

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31 - 3 - 2023

“V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VIỆT TRÌ - TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Vân Anh và bà Nguyễn Thị Kim Khánh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Đức Minh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Diễm Kiều Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 411/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Cao H, sinh năm 1955. Có mặt

Nơi ĐKKHKT: Tổ 43A, khu H, phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Bà Lưu Thị Châu L, sinh năm 1965. Có mặt

Nơi ĐKKHKT: Tổ 43A, khu H, phường G, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 44, khu 7, phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đỗ Cao H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Lưu Thị Châu L đăng ký kết hôn ngày 15/3/1988 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Khi kết hôn hai bên tự nguyện, không bị ép buộc. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu từ khi kết hôn, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia

đình khuyên giải nhiều lần nhưng đời sống chung vợ chồng không cải thiện được. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2020 đến nay, ông đã chuyển về huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc để sinh sống, thời gian này hai bên không quan tâm đến nhau. Nay ông nhận thấy tình cảm không còn, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, ông đã 02 lần yêu cầu Toà án giải quyết cho ông ly hôn với bà L, sau đó bà L không đồng ý và khi đó 1 lần bà L bị ốm và 1 lần con trai ông xây nhà nên ông đã rút đơn và Toà án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Từ khi tòa án đình chỉ giải quyết vụ án đến nay tình cảm vợ chồng cũng không thể cải thiện được nên ông yêu cầu Toà án giải quyết cho ông được ly hôn bà Lưu Thị Châu L.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Vân B, sinh năm 1989 và Đỗ Cao H, sinh năm 1996. Hiện nay các con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động tự túc được nên ông không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp: Ông không yêu cầu Toà án giải quyết.

**Tại bản tự khai, các lời trình bày tiếp theo tại Tòa án và tại phiên tòa, bị đơn bà Lưu Thị Châu L trình bày như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà thừa nhận về thời gian kết hôn như ông H trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận từ khi kết hôn cho đến khi vợ chồng bà xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tranh chấp đất đai tại xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Vợ chồng bà có 01 thửa đất tại xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Anh trai ông H muốn mua lại thửa đất trên nhưng bà không đồng ý, ông Nhượng (là anh trai ông H) đã tự ý cho con trai xây nhà trên đất của vợ chồng bà, từ đó vợ chồng bà xảy ra mâu thuẫn vào khoảng năm 2019, bà đã khởi kiện đối với gia đình nhà ông H tại Toà án nhân dân huyện L. Hiện nay vợ chồng bà đang sống ly thân nhau. Ông H đã hai lần khởi kiện xin ly hôn bà, sau đó ông H đã rút đơn và Toà án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Từ khi Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án đến nay tình cảm vợ chồng cũng không cải thiện được, vợ chồng ông bà vẫn sống ly thân mỗi người một nơi. Bà cũng không có biện pháp gì khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng về hàn gắn tình cảm. Nay ông H xin ly hôn bà lần thứ 03, bà không nhất trí, bà xin được đoàn tụ vì bà nhận thấy vẫn còn tình cảm với ông H và bà hy vọng sau một thời gian ông H sẽ suy nghĩ lại để vợ chồng tiếp tục chung sống xây dựng hạnh phúc, ông bà đã nhiều tuổi và các con của ông bà đang tuổi trưởng thành nên bà tha thiết đề nghị Toà án xem xét cho bà không ly hôn. Nếu ông H cương quyết xin ly hôn thì bà cũng vẫn không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Vân B, sinh năm 1989 và Đỗ Cao H, sinh năm 1996. Hiện nay các con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động tự túc được nên bà không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Việt Trì phát biểu quan điểm:*

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Đỗ Cao H, xử cho ông Đỗ Cao H được ly hôn bà Lưu Thị Châu L.

+ Về con chung: Không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Không xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

+ Về án phí: Do ông Đỗ Cao H là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm và ông H đã có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông H theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về tố tụng*: Tranh chấp ly hôn giữa ông Đỗ Cao H và bà Lưu Thị Châu L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà Lưu Thị Châu L cư trú tại thành phố V, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải đề các đương sự thống nhất với nhau về toàn bộ nội dung vụ án nhưng các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm nên vụ án phải đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật. Phiên tòa ngày 08/3/2023, bị đơn bà L vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định hoãn phiên tòa. Phiên tòa ngày 31/3/2023 có mặt nguyên đơn ông H và bị đơn bà L nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Đỗ Cao H và bà Lưu Thị Châu L đăng ký kết hôn ngày 15/3/1988 tại Ủy ban nhân dân phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Khi kết hôn hai bên hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, đó là

cuộc hôn nhân tiền bộ và hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng làm ăn sinh sống tại thành phố V, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, bất đồng về kinh tế với gia đình ông H, cuộc sống chung không hoà hợp. Từ tháng 8/2020, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, ông H đã chuyển về huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc để sinh sống, hai bên không quan tâm đến nhau. Vợ chồng đã bán nhà ở phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì và bà L đã cùng các con thuê nhà ở khu H, phường G, thành phố V sinh sống một thời gian, sau đó chuyển đến tổ 44, khu 7, phường V, thành phố V sinh sống. Trong thời gian sống ly thân, ông H đã làm đơn khởi kiện xin ly hôn bà L nhưng sau đó con trai của ông, bà xây nhà và bà L bị ốm nên ông đã rút đơn khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Nay ông H xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L. Bà L có quan điểm là bà không đồng ý ly hôn, bà xin được đoàn tụ vì bà nhận thấy vẫn còn tình cảm với ông H, bà hy vọng sau một thời gian ông H sẽ suy nghĩ lại để vợ chồng tiếp tục chung sống xây dựng hạnh phúc, ông bà đã nhiều tuổi và các con của ông bà đang tuổi trưởng thành nên bà tha thiết đề nghị Toà án xem xét quan điểm của bà. Toà án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của vợ chồng ông H, bà L thì từ khi vợ chồng sống ly thân tháng 8/2020 đến nay, ông H và bà L không quay về chung sống, không qua lại thăm hỏi, động viên nhau. Bà L có nguyện vọng xin đoàn tụ nhưng trong hơn 2 năm qua bà cũng không có biện pháp gì khắc phục, cải thiện mâu thuẫn để vợ chồng quay về chung sống,. Vì các nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tình trạng hôn nhân giữa ông H và bà L không được hạnh phúc, từ đó xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông H khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho được ly hôn bà L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần được chấp nhận.

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng ông H, bà L có 02 con chung là Đỗ Văn B, sinh năm 1989 và Đỗ Cao H, sinh năm 1996. Hiện nay các con chung của ông, bà đã thành niên và có khả năng lao động tự túc được nên cả hai ông, bà đều không đề nghị Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức đóng góp gia đình*: Xét thấy ông H và bà L đều trình bày không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, ông H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng ông H là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/NQ ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đỗ Cao H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147, điều 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho ông Đỗ Cao H được ly hôn bà Lưu Thị Châu L.

2. *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Vân B, sinh năm 1989 và Đỗ Cao H, sinh năm 1996 đã thành niên và có khả năng lao động tự túc được không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. *Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức đóng góp gia đình:* Không yêu cầu giải quyết.

4. *Về án phí:* Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Đỗ Cao H.

5. *Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Việt Trì;
- Chi cục THADS thành phố Việt Trì;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Thu Hiền